**Mẫu số 08/PLI**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ….. **SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI……. --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------------** |
| Số: ………….. | *…………, ngày ….. tháng ….. năm …….* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI 6 THÁNG ĐẦU NĂM……./NĂM…….**

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm).

Thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố……. báo cáo tình hình người lao động nước ngoài 6 tháng đầu năm……./năm……. như sau:

**I. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI**

1. Tình hình chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (nêu rõ số lượng, vị trí công việc đã chấp thuận tại doanh nghiệp, tổ chức).

2. Tình hình cấp giấy phép lao động (nêu rõ tình hình cấp giấy phép lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức).

3. Công tác quản lý người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn (kết quả đạt được, nguyên nhân, tồn tại, khó khăn) (kèm theo tổng hợp số liệu báo cáo tình hình người lao động nước ngoài của 6 tháng đầu năm……./năm…….).

**II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Giải pháp quản lý người lao động nước ngoài.

2. Kiến nghị.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: ……….. | **GIÁM ĐỐC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI 6 THÁNG ĐẦU NĂM……./NĂM…….**

*(Kèm theo Báo cáo số... ngày... tháng... năm... của...)*

*Đơn vị tính: người*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Quốc tịch** | **Phát sinh trong 6 tháng/năm** | | | **Vị trí công việc** | | | | **Giấy phép lao động** | | | | **Chưa được cấp/cấp lại/gia hạn/xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ** | **Thu hồi GPLĐ** | **Doanh nghiệp, tổ chức** | | | |
| **Tổng số** | **Trong đó: LĐNN làm việc dưới 1 năm** | | **Nhà quản lý** | **Giám đốc điều hành** | **Chuyên gia** | **Lao động kỹ thuật** | **Cấp GPLĐ** | **Cấp lại GPLĐ** | **Gia hạn GPLĐ** | **Không thuộc diện cấp GPLĐ** | **Doanh nghiệp** | | | **Tổ chức** |
| **Số lượng** | **Lương bình quân (đồng)** | **Doanh nghiệp nhà nước** | **Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài** | **Doanh nghiệp ngoài nhà nước** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) |
|  | ………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: …….. | **GIÁM ĐỐC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (3) = (6) + (7) + (8) + (9) = (10) + (11) + (12) + (13) = (16) + (17) + (18) + (19).